TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-PT
Ngày 06-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác mủ cao su

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung.

Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác mủ cao su".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 558/2023/QĐ-PT ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tống Duy T, sinh năm 1940; địa chỉ: tổ C, ấp G, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ B, ấp Đ, xã T2, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thanh X1, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố G, phường H, thành phố T3, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Tống Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tống Duy T trình bày:

Ngày 17/8/2022, bà Nguyễn Thị X đến nhà ông T bán lại cho vợ chồng ông quyền khai thác mủ cao su theo "hợp đồng mua dăm cạo mủ vườn cao su" mà bà X ký kết với bà Lê Thanh X1 (chủ vườn cao su) diện tích khoảng 07ha với giá 270.000.000 đồng, thời hạn cạo mủ trong 03 năm. Hai bên không lập hợp đồng mà lập và ký kết biên bản bàn giao hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su nêu trên; các bên còn thỏa thuận ai thực hiện sai hợp đồng thì phải chịu phạt gấp hai số tiền đã nhận (biên bản được lập bằng giấy tay). Ông T chưa nhận vườn cao su và sau đó bà X bán lại việc cạo mủ cao su cho ông Lưu Thế H1 với giá 240.000.000 đồng, khi ông H1 vào cạo mủ cao su thì xảy ra tranh chấp.

Ông T khởi kiện yêu cầu bà X hoàn trả số tiền 270.000.000 đồng đã nhận và thanh toán 270.000.000 đồng tiền phạt theo thỏa thuận, tổng là 540.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 giấy mượn tiền đề ngày 17/8/2022 có nội dung bà X mượn của vợ chồng ông T số tiền 50.000.000 đồng và 01 giấy mượn tiền đề ngày 20/8/2022 có nội dung bà X mượn của bà H (vợ ông T) số tiền 50.000.000 đồng, có chữ ký của bà X.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Việc ký biên bản bàn giao hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su ngày 17/8/2022 chỉ nhằm mục đích vay mượn số tiền 50.000.000 đồng (thực tế bà chỉ được nhận 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng thì bà H cấn trừ vào lãi). Bà X không nhận số tiền 270.000.000 đồng. Hợp đồng cho thuê vườn khai thác mủ cao su ngày 02/09/2022 ký giữa bà X và bà X1 mà bà H cung cấp cho Tòa án là bản giả do bà X tự ký tên bà X1, tự ký tên người làm chứng, hiện tại bản chính bà X cũng đã làm mất. Đối với yêu cầu của ông T và bà H về việc yêu cầu bà X trả số tiền 540.000.000 đồng thì bà X không đồng ý.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị H trình bày: thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Tống Duy T và không bổ sung gì thêm.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thanh X1 trình bày: bà X1 có ký hợp đồng cho thuê vườn khai thác mủ 2.200 cây cao su với bà X vào ngày 02/9/2022 với giá 270.000.000 đồng. Việc mua bán giữa bà X và ông T thì bà X1 không biết và bà X1 cũng không biết ông T là ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 17/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã quyết định (tóm tắt) như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Duy T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2023 nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn hoàn trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng chuyển nhượng hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su và 540.000.000 đồng tiền phạt do bà X thực hiện sai hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bị đơn có ký tên vào biên bản bàn giao hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su ngày 17/8/2022. Tuy nhiên, biên bản này không ghi số tiền, giá mua bán; bị đơn không thừa nhận có việc mua bán dăm cạo mủ cao su, không thừa nhận việc nhận số tiền 270.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Mặt khác, biên bản này có trước ngày bị đơn đặt cọc mua dăm cạo mủ cao su của bà X1 nên tài sản chưa thuộc quyền sở hữu của bị đơn (bên bán). Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su ngày 17/8/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu. Do bị đơn không thừa nhận việc nhận số tiền 270.000.000 đồng của nguyên đơn và nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đối với hợp đồng vay giữa bị đơn và bà H, xét thấy quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu, nguyên đơn không đồng ý việc bị đơn khai là vay nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, trường hợp đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của ông Tống Duy T thực hiện trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 270.000.000 đồng và bồi thường 270.000.000 đồng do vi phạm thỏa thuận trong biên bản bàn giao "Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" ngày 17/8/2022. Nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết "Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" diện tích khoảng 07ha với giá 270.000.000 đồng, cạo trong thời hạn 03 năm, hai bên thỏa thuận viết giấy tay, ai sai phải bồi thường gấp đôi số tiền mua bán là

270.000.000 đồng.

Bị đơn không thừa nhận có việc mua bán dăm cạo mủ cao su như nguyên đơn trình bày mà cho rằng hai bên chỉ ký hợp đồng vay tiền. Cụ thể là bị đơn vay của nguyên đơn 50.000.000 đồng, nhưng chỉ nhận được 40.000.000 đồng (vì bị cấn trừ trước tiền lãi 10.000.000 đồng). Việc bị đơn ký vào biên bản bàn giao "Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" thực tế là bị đơn ký vào tờ giấy trắng theo yêu cầu của nguyên đơn, sau đó nguyên đơn tự ghi nội dung vào, nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

/3/Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện có 03 giao dịch dân sự tồn tại, một là hợp đồng cho thuê vườn khai thác mủ cao su ngày 02/9/2022 ký giữa bên cho thuê là bà X1 và bên thuê là bà X (bị đơn); hai là biên bản bàn giao "Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" ngày 17/8/2022 giữa bị đơn và vợ chồng nguyên đơn; ba là giấy vay tiền ngày 17/8/2022 có nội dung bị đơn vay của bà H (vợ nguyên đơn) 50.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 22/8/2022 có nội dung bị đơn vay bà H số tiền 50.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định bị đơn chuyển nhượng lại cho nguyên đơn quyền thuê 07 ha cao su của bà X1 để cạo mủ (khai thác mủ cao su) trong thời hạn 03 năm; giá chuyển nhượng là 270.000.000 đồng, việc chuyển nhượng này không lập hợp đồng mà lập biên bản bàn giao "Hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" ngày 17/8/2022 (nghĩa là bị đơn giao cho nguyên đơn hợp đồng thuê vườn cao su mà bị đơn ký với bà X1). Nguyên đơn dùng biên bản bàn giao hợp đồng trên để khởi kiện. Như vậy, cần xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng với nội dung, bản chất vụ việc là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác mủ cao su".

[4] Xét thấy, trong "Biên bản bàn giao hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" ngày 17/8/2022 không thỏa thuận số tiền, giá chuyển nhượng; bị đơn không thừa nhận có hợp đồng chuyển nhượng này và không nhận số tiền 270.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Hợp đồng cho thuê vườn khai thác mủ cao su giữa bị đơn và bà X1 ký vào ngày 02/9/2022 (do bà X1 cung cấp). Như vậy, "biên bản bàn giao hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su" đề ngày 17/8/2022 có trước ngày bị đơn đặt cọc thuê vườn khai thác mủ cao su của bà X1, nên bị đơn chưa có quyền đối với tài sản thuê. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giao dịch chuyển nhượng quyền cạo mủ cao su giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập ngày 17/8/2022 vô hiệu theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[5] Giao dịch dân sự nêu trên bị vô hiệu, nên hậu quả pháp lý là các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Nguyên đơn cho rằng đã giao cho bị đơn số tiền 270.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, nội dung thỏa thuận về bồi thường không cụ thể; căn cứ phát sinh nghĩa vụ bồi thường không phù hợp quy định của pháp luật, nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 270.000.000 đồng và bồi thường gấp đôi số tiền đã nhận là có căn cứ.

[6] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bà H xác nhận có giấy vay tiền ngày 17/8/2022; số tiền 270.000.000 đồng là cộng từ nhiều khoản vay, sau

đó các bên đi đến thỏa thuận bị đơn sẽ chuyển nhượng lại hợp đồng mua dăm cạo mủ cao su của bà X1 cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định giữa vợ chồng nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản như bị đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay của bà H 50.000.000 đồng theo giấy vay ngày 17/8/2022 và số tiền 50.000.000 đồng trong giấy vay ngày 20/8/2022 là tiền lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết giao dịch vay tài sản. Vì vậy, nghĩa vụ thanh toán tiền vay của bị đơn không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi có tranh chấp sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[7] Đối với nội dung giao dịch thuê vườn khai thác cạo mủ cao su ngày 02/9/2022 giữa bị đơn và bà X1 không có sự tranh chấp trong vụ án này, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp giữa bà X1 và bà X (bị đơn) sẽ được giải quyết tại vụ án khác.

[8] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ chấp nhận.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tống Duy T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tống Duy T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh